TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 231/2023/DS-ST
Ngày: 30 - 9 - 2023
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự, hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

Bà Trương Thị Thu Thủy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh AG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự, hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 538/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 599/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977; cư trú tại: tổ 14, ấp BT, xã BL, huyện CP, tỉnh AG.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đặng Quang T1, sinh năm 1971; cư trú tại: ấp BT, xã BL, huyện CP, tỉnh AG (theo vản bản ủy quyền ngày 12/9/2023). Có mặt

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Ái V; cư trú tại: tổ 09, ấp K, xã KH, huyện CP, tỉnh AG. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/5/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Do quen biết nên ngày 17/01/2023 dương lịch bà Trần Thị Ái V có vay của bà T số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, thời hạn vay 02 tháng nhưng từ khi vay đến nay bà V không trả vốn và lãi. Sau đó bà T có yêu cầu bà V phải trả tiền nhưng bà V hứa hẹn và cố tình lẫn tránh.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà V phải có trách nhiệm trả lại số tiền đã vay 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất là 1,66%/tháng, thời gian tính lãi kể từ ngày 17/01/2023 đến khi giải quyết xong vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn bà Trần Thị Ái V vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T là ông Đặng Quang T1 trình bày:

Biên nhận ngày 17/01/2023 do bà T viết nhưng tại phần chữ ký và viết tên Trần Thị Ái V do bị đơn bà Trần Thị Ái V viết và ký tên. Khi vay hai bên thỏa thuận bằng lời nói thời hạn vay là 02 tháng, tuy nhiên cho đến nay bà V không trả lãi và cũng không trả nợ gốc. Bà T đã nhiều lần liên hệ yêu cầu trả lãi và nợ gốc nhưng bà V cố tình lẫn tránh và đến nay không liên lạc được. Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà V có trách nhiệm trả lại số tiền vốn vay là 60.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 17/01/2023 đến ngày 30/9/2023 theo lãi suất 1.66%/tháng, không yêu cầu tính lãi phát sinh sau ngày 30/9/2023.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà V có trách nhiệm trả cho bà T số tiền vốn vay 60.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 17/01/2023 đến ngày 30/9/2023 theo lãi suất 1.66%/tháng. Bà T không yêu cầu tính lãi phát sinh sau ngày 30/9/2023 nên không đề nghị xem xét.

- Về án phí dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay, căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự, hợp đồng vay tài sản". Bị đơn có nơi cư trú tại huyện CP, tỉnh AG, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý giải quyết là đúng với quy định pháp luật.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có văn bản ủy quyền cho ông Đặng Quang T1 thay mặt bà tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn. Văn bản ủy quyền đã được cơ quan có thẩm quyền chứng thực vào ngày 12/9/2023 và không có căn cứ thể hiện người được ủy quyền thuộc trường hợp không được tham gia ủy quyền. Vì vậy, việc ủy quyền của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.3] Bị đơn bà Trần Thị Ái V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, không lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà V trả lại số tiền đã vay 60.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi kể từ ngày 17/01/2023 đến ngày 30/9/2023 theo lãi suất 1.66%/tháng, không yêu cầu tính lãi phát sinh sau ngày 30/9/2023. Chứng cứ bà T đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là biên nhận đề ngày 17/01/2023 có chữ ký của Trần Thị Ái V. Bà V vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Do đó, Hội đồng xét xử xác định "Biên nhận ngày 17/01/2023" mà nguyên đơn cung cấp là chứng cứ để giải quyết vụ án.

[2.2] Xét thấy, bà T và bà V xác lập hợp đồng vay tài sản trên cơ sở tự nguyện, hình thức của hợp đồng bằng văn bản được thể hiện tại biên nhận đề ngày 17/01/2023. Khi xác lập hợp đồng các bên đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi, nội dung và mục đích của giao dịch không trái quy định pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119 và Điều 463 của Bộ luật dân sự, hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định pháp luật, do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao dịch.

[2.3] Bà T cho rằng thời hạn vay là 02 tháng kể từ ngày 17/01/2023, tuy nhiên theo biên nhận đề ngày 17/01/2023 không thể hiện thời hạn vay. Ngoài lời trình bày thì bà T không còn chứng cứ nào khác để chứng minh về hợp đồng vay tài sản có thời hạn. Căn cứ Điều 469 của Bộ luật dân sự xác định hợp đồng vay tài sản giữa bà T và bà V là hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn. Do bà V vi phạm nghĩa vụ trả lãi và nợ gốc nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà V

phải trả lại vốn vay là 60.000.000 đồng và tiền lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại tại các điều 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Bà T khởi kiện yêu cầu tính lãi kể từ ngày 17/01/2023 đến ngày 30/9/2023, lãi suất 1.66%/tháng. Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa bà V và bà T có thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng tuy nhiên thỏa thuận này là vượt quá với quy định nhưng bà T đã tự điều chỉnh lãi là 1.66%/tháng. Căn cứ Điều 466 và Điều 468 về yêu cầu tính lãi suất 1.66%/tháng của bà T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Thời gian tính lãi: từ ngày 17/01/2023 đến ngày 30/9/2023 là 256 ngày.

Tiền lãi = (nợ gốc chưa trả) x (lãi suất ngày) x (thời gian vay chưa trả lãi trên nợ gốc)= 60.000.000 đồng x (1.66%/tháng x 12 tháng : 365 ngày) x 256 ngày = 8.382.772 đồng.

[2.5] Như vậy, bà V phải có trách nhiệm trả cho bà T tổng vốn lãi tính đến ngày 30/9/2023 là: 68.382.772 đồng, trong đó: vốn vay là 60.000.000 đồng, tiền lãi là 8.382.772 đồng.

[2.6] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà T không yêu cầu tính lãi phát sinh sau ngày 30/9/2023 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại bà T tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà V vi phạm nghĩa vụ trả nợ và lãi và yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 5 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu bà Trần Thị Ái V trả nợ vay và lãi.

Buộc bà Trần Thị Ái V có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 68.382.772 đồng (sáu mươi tám triệu ba trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi hai đồng), trong đó bao gồm:

Tiền vốn vay: 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Tiền lãi: 8.382.772 đồng (tám triệu ba trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi hai đồng).

Không tính lãi phát sinh sau ngày 30/9/2023, kể cả trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

2. Về án phí dân sự:

Bà Trần Thị Ái V phải chịu 3.419.000 đồng (ba triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại bà Nguyễn Thị T tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0005775 ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, tỉnh AG.

3. Về quyền kháng cáo: bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị Ái V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Quang